

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Hà Tuấn Vĩnh.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: **Nguyễn Thị Hồng Chuyên.**

Bà: **Bùi Thị Thịnh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Chũ** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Lượng** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị C, sinh năm: 1993; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Bàn Văn D, sinh năm: 1990; vắng mặt lần 2 không có lý do;

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị Bàn Thị C trình bày: Chị và chồng chị là Bàn Văn D được cưới hỏi theo phong tục tập quán, vào ngày 27/11/2017 vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chị tại thôn C, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, sau đó vợ chồng làm nhà ra ở riêng gần gia đình chị và đón bố mẹ chồng về ở cùng. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường cãi chửi nhau, vợ chồng đều đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà và hiện nay chồng chị đi làm ở đâu không cho chị biết địa chỉ

cụ thể. Mâu thuẫn vợ chồng đã được ban quản lý thôn và gia đình can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả, gần đây nhất là ngày 10/01/2021 hai vợ chồng cãi chửi nhau và anh D đánh chị, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Hiện chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm chăm sóc đến nhau, do vậy chị làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung, tên là Bàn Quang H, sinh ngày 02/4/2009, hiện cháu H đang ở cùng chị. Khi ly hôn nguyện vọng của chị là xin được trực tiếp nuôi cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, khi làm đơn chị có yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên hiện tại chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bàn Văn D vắng mặt, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án, Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi anh D cư trú và Tòa án cũng đã gửi văn bản tố tụng cho bà Đặng Thị L là mẹ đẻ của anh D, bà L đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh D được biết việc chị C yêu cầu ly hôn anh D, mẹ anh D cũng đã liên lạc qua điện thoại cho anh D nhưng anh D vẫn che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Do vậy căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với bà Đặng Thị L là mẹ đẻ của anh D, ông Bàn Văn B là bố đẻ của chị C, trưởng thôn, UBND xã nơi anh D, chị C cư trú phản ánh về tình trạng hôn nhân của chị Bàn Thị C và anh Bàn Văn D như sau: Chị Bàn Thị C và anh Bàn Văn D chung sống với nhau từ năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trong quá trình chung sống vợ chồng có tranh chấp xích mích nhau và đã xảy ra xô xát, anh D nghi ngờ chị C ngoại tình nên đánh chị C, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi chửi nhau, anh D và chị C đều đi làm ăn xa nhà, hiện anh D không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng mới về gia đình và anh D đi đâu, làm gì không báo cáo chính quyền địa phương, vợ chồng anh D và chị C đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được thôn và gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Mẹ đẻ anh D cho biết anh D đi làm ăn xa, anh D đã biết được việc Tòa án triệu tập anh D đến Tòa án để giải quyết vụ việc xin ly hôn của chị C, nhưng anh D không đến Tòa án. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng anh D, chị C không còn quan tâm đến nhau; về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Bàn Quang H, sinh ngày 02/4/2009, hiện cháu H đang ở cùng chị C.

Tại phiên toà hôm nay, chị C vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn chị có trình bày rõ chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với

anh Bàn Văn D; về con chung: Khi ly hôn nguyện vọng của chị là xin được trực tiếp nuôi cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh Bàn Văn D, tại phiên tòa vắng mặt lần hai không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị C đối với anh Bàn Văn D về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về con chung: Giao cháu Bàn Quang H, sinh ngày 02/4/2009 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị Bàn Thị C có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bàn Văn D có nơi cư trú là thôn C, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án người thân anh D nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đều thông báo qua điện thoại cho anh D nhưng anh D vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị C yêu cầu

ly hôn, hơn nữa Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với anh D theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Bàn Văn D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Bàn Văn D. Nguyên đơn là chị Bàn Thị C vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Bàn Thị C.

[3] Về hôn nhân: Chị Bàn Thị C và anh Bàn Văn D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 27/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa chị C và anh D là hợp pháp.

[4] Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống chị C và anh D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh D nghi ngờ chị C ngoại tình nên đánh chửi chị C vô cớ, hai bên không còn có sự tôn trọng, chia sẻ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong công việc hàng ngày. Mâu thuẫn đã thường xuyên xảy ra căng thẳng mặc dù đã được thôn và gia đình can thiệp hòa giải nhưng vẫn không sửa chữa khắc phục, không cải thiện tốt quan hệ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh D nhưng anh D vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị C. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo biên bản xác minh ngày 30/3/2021 và ngày 10/6/2021 thể hiện do vợ chồng anh D chị C bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh D đi làm ăn xa không thông báo địa chỉ cụ thể cho gia đình và chính quyền xã nơi anh D cư trú, thời gian anh D và chị C sống ly thân đã lâu, anh D không quan tâm cuộc sống hôn nhân. Chị C xác định không còn tình cảm với anh D, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị C không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh D thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

[5] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Bàn Quang H, sinh ngày 02/4/2009. Xét thấy cháu H đang ở cùng chị C, anh D bỏ đi làm ăn xa, mặt khác Tòa án lấy lời khai của cháu H và cháu H mong muốn ở với chị C, quá trình giải quyết vụ án anh D không có mặt nên không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao cháu H cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Bàn Văn D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị C không yêu cầu giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Bàn Thị C phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bàn Thị C. Chị Bàn Thị C được ly hôn anh Bàn Văn D.

Về nuôi con chung: Chị Bàn Thị C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bàn Quang H, sinh ngày 02/4/2009 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị C, anh D có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về Án phí: Chị Bàn Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0001339, ngày 01/3/2021.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thành;
- Chi cục THA huyện Bắc Quang;
- Lưu HS-BP.

Hà Tuấn Vĩnh